

Bản án số: 509/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/ 2018

“V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Chính

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Chánh – Thư ký TAND thành phố Q.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa:***

Ông Nguyễn Quang Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-HN ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/QĐST- HNGĐ ngày 08/5/2018 của TAND thành phố Q, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Trần Thanh T - Sinh năm: 1976 (Có mặt)

Cư trú: Tổ 23, KV3, phường B, Tp. Q, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Chị Lê Thị Bích B - Sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 23, KV3, phường B, Tp. Q, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Trần Thanh T trình bày:

Anh và chị Lê Thị Bích B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn ngày 15/7/2003 tại Ủy ban nhân dân phường B, Tp. Q, tỉnh Bình Định. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay kình cãi nhau, mỗi lần cãi nhau chị B hay bỏ nhà đi, chị B sống thiếu trách nhiệm, không chăm lo cho gia đình và chồng con. Mâu thuẫn gay gắt nhất vào năm

2016 gia đình hai bên cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không được, chị B bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh một thời gian rồi trở về. Đến khoảng tháng 02/2018 vợ chồng cãi nhau thì chị B tiếp tục bỏ nhà đi vào thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thông báo địa chỉ cho anh biết. Từ đó đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, anh không còn tình cảm với chị B nên anh yêu cầu ly hôn chị B.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là: Trần Thanh T, sinh ngày 20/11/2004. Hơn 02 năm nay vợ anh bỏ đi thỉnh thoảng mới về, nên con do một mình anh chăm sóc và hiện nay con đang sống cùng anh, sức khỏe bình thường. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Vợ chồng không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay chị Lê Thị Bích B vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị B thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo nơi cư trú mới cho nguyên đơn và tòa án biết để thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Địa phương cũng không biết được nơi cư trú mới của bị đơn. Do đó, bị đơn được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung tại nơi bị đơn cư trú cuối cùng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ tranh chấp và xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh T được ly hôn chị Lê Thị Bích B. Giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 20/11/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Trần Thanh T có đơn khởi kiện giải quyết việc ly hôn đối với chị Lê Thị Bích B. Căn cứ khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q.

[2] - Xét việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị B thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo nơi cư trú mới cho nguyên đơn

anh T và Tòa án biết. Tòa đã tiến hành xác minh tại địa phương UBND phường B thì được biết chị B bỏ nhà đi khoảng tháng 02/2018 (sau ngày tòa thụ lý vụ án), nhưng không biết nơi cư trú mới của bị đơn. Do đó, bị đơn được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa đã tiến hành các thủ tục tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên Tòa theo thủ tục chung tại nơi bị đơn cư trú cuối cùng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh T và chị Lê Thị Bích B tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2003 tại UBND phường B, thành phố Q, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay kinh cãi nhau. Chị B sống thiếu trách nhiệm, không chăm lo cho gia đình và chồng con, vì mỗi lần cãi nhau chị B hay tự ý bỏ nhà đi một thời gian rồi về. Gia đình hai bên cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Ngày 02/01/2018 Tòa thụ lý giải đơn yêu cầu ly hôn của anh T, nhưng vợ chồng anh T chị B vẫn không hòa giải được với nhau mà mâu thuẫn còn gay gắt hơn đến khoảng tháng 02/2018 thì chị B tiếp tục bỏ nhà đi nhưng không thông báo địa chỉ cho anh T biết. Từ đó đến hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh T kiên quyết yêu cầu ly hôn chị B. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh T chị B có 01 con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 20/11/2004. Hiện nay con đang sống cùng anh T sức khỏe bình thường. Ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung là trách nhiệm của hai vợ chồng, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên, anh T và cháu T không sống chung với chị B từ tháng 02/2018, trong khoảng thời gian này cháu T do một mình anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng không có sự chăm sóc trực tiếp của chị B nhưng cháu T vẫn phát triển bình thường và vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án tòa đã tiến hành lấy lời khai của cháu T thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và để ổn định cuộc sống cho cháu T, HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh T giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con, do anh T tự nguyện không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX chấp nhận. Nếu sau này vì lợi ích của con khi cần thiết anh T có quyền yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này một hoặc hai bên có tranh chấp về tài sản chung thì tòa sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 anh T phải chịu 300.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh T được ly hôn chị Lê Thị Bích B. Giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 20/11/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh T được ly hôn chị Lê Thị Bích B.

2. Về con chung: Anh Trần Thanh T được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Thanh T, sinh ngày 20/11/2004, anh T không yêu cầu chị Lê Thị Bích B cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Anh Trần Thanh T không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này một hoặc hai bên có tranh chấp về tài sản chung thì tòa sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về Án phí:

- Anh Trần Thanh T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số 0005731 ngày 28/12/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Q. Anh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt bản án hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND thành phố Q
- Lưu HS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Minh Dũng